

Bản án số: 137/2020/DS-ST

Ngày: 17-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tình Thanh Phước

2. Bà Cao Kim Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tô Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2020/2020/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2457/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường T, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2019)

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Anh T, sinh năm 1969

Địa chỉ thường trú: số 100/14 đường T, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T do Ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và Ông Lê Anh

T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông T.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng nói trên, Ông Lê Anh T đã thực hiện các giao dịch chi tiêu cá nhân, từ tháng 3/2017 đến nay thì ông T không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T; Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ cho ông T nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26 tháng 4 năm 2017, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 17/7/2020 là 26.964.850 đồng; trong đó nợ gốc là 11.892.514 đồng và nợ lãi quá hạn là 15.872.336 đồng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với lãi suất quá 3,225%/tháng.

Ngân hàng TPCP Sài Gòn thương tín đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán nhưng ông T cố tình trốn tránh, không thanh toán cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Lê Anh T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là 26.964.850 đồng. Yêu cầu thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ.

Bị đơn là Ông Lê Anh T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy

định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với Ông Lê Anh T về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, lãi còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Xét Ông Lê Anh T cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo kết quả xác minh của Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 tại thời điểm thụ lý. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của Nguyên đơn đòi số tiền gốc là 11.892.514 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Bảng sao kê thẻ tín dụng số 464932-9018, đã có đủ cơ sở xác định: Ông Lê Anh T đã đề nghị và được Ngân hàng TMCP Sài Gòn T cấp thẻ tín dụng số 464932-9018 với hạn mức 20.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch khác nhau và ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 03/2017 theo các sao kê do phía nguyên đơn nộp. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26 tháng 4 năm 2017, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc là 11.892.514 đồng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp, thông báo hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn không có mặt để giải quyết vụ án, mặc nhiên từ bỏ quyền lợi của chính mình, đồng thời phải chịu mọi hậu quả đối với việc vắng mặt này; Hội đồng xét xử xét thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T về việc ông T phải trả tiền nợ gốc 11.892.514 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về nợ lãi quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng căn cứ trên Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T kèm theo; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng và Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng do đó cần xem xét chấp nhận, buộc Ông Lê Anh T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử vụ án (17/7/2020) là 15.072.336 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi Ông Lê Anh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T là 15.072.336 đồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Ông Lê Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Luật án phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Buộc Ông Lê Anh T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 26.964.850 (Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi) đồng; trong đó nợ gốc là 11.892.514 đồng và nợ lãi quá hạn là 15.072.336 đồng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Ông Lê Anh T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Anh T phải chịu 1.348.243 (Một triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T 571.530 (Năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm ba mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005650 ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mạnh